

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh
và UBND huyện, thành phố, thị xã (viết tắt tiếng anh là DDCI)
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 02 năm 2015 - 2016; Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 02 năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo.

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 3364/SKHĐT-DNĐT ngày 21/12/2020 (sau khi tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (viết tắt tiếng anh là DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và xúc tiến đầu tư tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó Văn phòng;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH CẤP
TỈNH VÀ UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ (VIẾT TẮT TIẾNG ANH
LÀ DDCI) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh)

**PHẦN I
MỤC TIÊU, YÊU CẦU, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC
XÂY DỰNG, TRIỂN KHAI DDCI**

1. Mục tiêu

- **Mục tiêu chung:** Nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm điều hành các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh tỉnh Hà Tĩnh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

- **Mục tiêu cụ thể:**

+ Tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

+ Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

+ Tạo sự cạnh tranh, thi đua và đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

+ Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, doanh nghiệp được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;

+ Trên cơ sở kết quả DDCI, nghiên cứu giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo;

2. Yêu cầu

- Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số và tiêu chí đánh giá DDCI được lựa chọn tương tự như các chỉ số thành phần của PCI, trên cơ sở áp dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn tại tỉnh Hà Tĩnh và có sự tham vấn của chuyên gia PCI trong suốt quá trình xây dựng, triển khai thực hiện.

- Việc khảo sát, điều tra lấy ý kiến phải được thực hiện với nội dung, tiêu chí, đối tượng cụ thể, thiết thực về những vấn đề đang được nhà đầu tư, doanh

nghiệp quan tâm khi liên hệ giải quyết thủ tục hành chính; phản ánh khách quan tình hình hoạt động cũng như những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Kết quả khảo sát, điều tra lấy ý kiến phải được tổng hợp, phân tích, đánh giá một cách đầy đủ, khách quan, minh bạch để báo cáo lãnh đạo tỉnh; đồng thời là căn cứ để các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức liên quan tiếp thu ý kiến góp ý của nhà đầu tư, doanh nghiệp; từ đó đề ra các giải pháp thiết thực, hiệu quả, tiếp tục phát huy những mặt đã làm được và nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm nâng cao chất lượng điều hành của chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở.

- Kết quả khảo sát, điều tra là một trong những căn cứ để xem xét, so sánh chất lượng quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

3. Đối tượng đánh giá và được đánh giá

a) Đối tượng đánh giá: Các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hợp tác xã; hộ kinh doanh đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

b) Đối tượng được đánh giá: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

- Các sở, ban, ngành: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Xây dựng, (5) Sở Giao thông Vận tải, (6) Sở Công Thương, (7) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (8) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (9) Sở Thông tin và Truyền thông, (10) Sở Y tế, (11) Sở Khoa học và Công nghệ, (12) Sở Giáo dục và Đào tạo, (13) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (14) Sở Ngoại vụ, (15) Sở Nội Vụ, (16) Sở Tư pháp, (17) Thanh tra tỉnh, (18) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, (19) Công an tỉnh, (20) Cục Thuế tỉnh, (21) Cục Hải quan tỉnh, (22) Kho bạc Nhà nước tỉnh, (23) Bảo hiểm xã hội tỉnh, (24) Ngân hàng Nhà nước tỉnh, (25) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, (25) Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, (26) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh, (27) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Nguyên tắc xây dựng và triển khai DDCI

Việc xây dựng và triển khai bộ chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) *Nguyên tắc thực tế*: Chỉ số DDCI được xây dựng dựa trên nội dung liên quan trực tiếp tới năng lực điều hành và phản ánh được các chức năng, nhiệm vụ

thực tế mà các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đang chịu trách nhiệm đảm nhận.

b) Nguyên tắc gắn kết trách nhiệm: Nội dung của DDCI cần phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính nói riêng, năng lực và thái độ phục vụ của từng sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện nói chung.

c) Nguyên tắc khả thi: Bộ chỉ số DDCI phải có khả năng cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế và hiệu quả cải cách hành chính liên quan đến đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư, các doanh nghiệp ở các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

d) Nguyên tắc chính xác: Phải đảm bảo tính chính xác về kết quả khảo sát DDCI. Phương pháp xây dựng chỉ số, cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả phải phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu điều tra. Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát phải khoa học, thể hiện tính đại diện và độ tin cậy phù hợp.

e) Nguyên tắc có ý nghĩa: Kết quả rút ra từ khảo sát chỉ số DDCI phải có ý nghĩa với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế cấp sở, ban, ngành và cấp huyện; thể hiện qua việc kết quả phân tích chỉ số DDCI sẽ giúp chỉ ra ưu, nhược điểm, những điểm đã làm tốt và những điểm tồn tại hạn chế để các cơ quan, đơn vị có định hướng cải thiện; đồng thời tạo sự cạnh tranh, thi đua để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

f) Nguyên tắc Bảo mật: Mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát, thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát; đồng thời đáp ứng yêu cầu theo Luật Thống kê. Phải bảo mật thông tin kết quả DDCI đến thời điểm tổ chức công bố nhằm đảm bảo tính khách quan của kết quả đánh giá.

PHẦN II BỘ CHỈ SỐ DDCI HÀ TĨNH

1. Các chỉ số thành phần của bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh

Sau khi nghiên cứu các chỉ tiêu của Bộ chỉ số PCI, rà soát các mô hình đánh giá DDCI của các tỉnh, trên cơ sở tình hình thực tiễn tại địa phương; tỉnh Hà Tĩnh thống nhất lựa chọn bộ chỉ số DDCI có 08 chỉ số thành phần đối với khối sở, ban, ngành cấp tỉnh gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động và hiệu lực; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp; (7) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; (8) Vai trò của người đứng đầu. Đối với khối UBND cấp huyện ngoài 08 chỉ số tương tự như trên bổ sung thêm chỉ số thứ (9) Tiếp cận đất đai.

2. Các tiêu chí đánh giá của từng chỉ số thành phần

a) Bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh

TT	Chỉ số thành phần
I	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
A1	Khả năng tiếp cận thông tin từ các sở, ban, ngành
A2	Cần có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành
A3	Doanh nghiệp đánh giá mức độ đầy đủ, rõ ràng của nội dung thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính
A4	Kịp thời cung cấp thông tin, văn bản khi doanh nghiệp yêu cầu theo quy định
A5	Doanh nghiệp đánh giá công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật của sở, ban, ngành
A6	Mức độ truy cập vào website của sở, ban, ngành
A7	Tính hữu ích thông tin trên Cổng thông tin (website) của sở, ban, ngành
II	Tính năng động và hiệu lực
B1	Linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp
B2	Năng động, sáng tạo, trách nhiệm trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh
B3	Kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình
B4	Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất và/hoặc giải pháp cụ thể về hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh
B5	Lắng nghe, tiếp thu và giải quyết kịp thời, hiệu quả các kiến nghị của Doanh nghiệp, Hội doanh nghiệp, huyện, thành, thị thông qua các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp
B6	Có chủ trương, phương án cụ thể giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp sau các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp
B7	Có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của sở, ban, ngành khi thực hiện các quyết định/chủ trương của cấp trên
III	Chi phí thời gian
C1	Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ cho doanh nghiệp khi giải quyết công việc
C2	Mức độ tuân thủ quy định về thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính
C3	Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính
C4	Doanh nghiệp đánh giá về mức độ ứng dụng Công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính của sở, ban, ngành

C5	Số lần DN bị thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành trong năm
C6	Nội dung trùng lặp của các cuộc thanh tra, kiểm tra
C7	Thời gian trung bình của một đợt thanh tra, kiểm tra
C8	Doanh nghiệp đánh giá về hoạt động thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành
IV	Chi phí không chính thức
D1	Doanh nghiệp phản ánh có hiện tượng cán bộ gây khó khăn/trì hoãn khi giải quyết thủ tục hành chính để trục lợi
D2	Doanh nghiệp phải chi trả chi phí không chính thức cho đoàn thanh kiểm tra
D3	Doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi
D4	Doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức giảm bớt so với năm trước
V	Cạnh tranh bình đẳng
E1	Ưu ái hơn đối với các doanh nghiệp lớn như: Tổng công ty, tập đoàn lớn, Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp FDI... so với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, DNNVV
E2	Sở, ban, ngành ưu ái hơn cho các doanh nghiệp “sân sau”, doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đất đai, tài chính và đấu thầu)
E3	Doanh nghiệp cho rằng sự ưu ái gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
VI	Hỗ trợ doanh nghiệp
F1	Cung cấp thông tin về các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp
F2	Chất lượng, hiệu quả triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp
F3	Dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến của Website đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp
F4	Việc hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc
VII	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự
G1	Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định
G2	Giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp thỏa đáng
G3	Cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.
G4	Hỗ trợ phát lý cho doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm
VIII	Vai trò người đứng đầu
H1	Người đứng đầu sở, ban, ngành có ảnh hưởng quyết định tới công tác cải cách thủ tục hành chính tại đơn vị

H2	Người đứng đầu sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp
H3	Người đứng đầu sở, ban, ngành lắng nghe, tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp
H4	Người đứng đầu sở, ban, ngành chỉ đạo quyết liệt và giải quyết kịp thời các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp
H5	Người đứng đầu sở, ban, ngành kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử, chấn chỉnh/xử lý các hành vi nhũng nhiễu của công chức

b) Bộ tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh UBND cấp huyện

TT	Chỉ số thành phần
I	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin
A1	Khả năng tiếp cận thông tin
A2	Cần có “môi quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu, thông tin
A3	Doanh nghiệp đánh giá mức độ đầy đủ, rõ ràng của nội dung thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính
A4	Kịp thời cung cấp thông tin, văn bản khi doanh nghiệp yêu cầu theo quy định
A5	Mức độ truy cập vào website của đơn vị
A6	Tính hữu ích thông tin trên Cổng thông tin (website)
II	Tính năng động và hiệu lực
B1	Thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh
B2	Địa phương sáng tạo, mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn
B3	Địa phương thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với doanh nghiệp
B4	Địa phương chủ động tham mưu UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện/tỉnh
B5	Địa phương có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh
B6	Địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp/cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện
III	Chi phí thời gian
C1	Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ cho doanh nghiệp khi giải quyết công việc
C2	Mức độ tuân thủ quy định về thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính
C3	Doanh nghiệp không cần phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính
C4	Doanh nghiệp đánh giá về mức độ ứng dụng Công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính
C5	Số lần DN bị thanh tra, kiểm tra của sở, ban, ngành trong năm
C6	Nội dung trùng lặp của các cuộc thanh tra, kiểm tra

C7	Thời gian trung bình của một đợt thanh tra, kiểm tra
C8	Doanh nghiệp đánh giá về hoạt động thanh tra, kiểm tra
IV	Chi phí không chính thức
D1	Doanh nghiệp phản ánh có hiện tượng cán bộ gây khó khăn/trì hoãn khi giải quyết thủ tục hành chính để trục lợi
D2	Doanh nghiệp phải chi trả chi phí không chính thức cho đoàn thanh kiểm tra
D3	Doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi
D4	Doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức giảm bớt so với năm trước
V	Cạnh tranh bình đẳng
E1	Địa phương có ưu ái đối với các doanh nghiệp lớn như: Tổng công ty, Tập đoàn lớn, Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp FDI... so với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, DNNVV
E2	Địa phương ưu ái hơn cho các Doanh nghiệp “sân sau”, Doanh nghiệp thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đất đai, tài chính và đấu thầu)
E3	Doanh nghiệp cho rằng sự ưu ái gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
VI	Hỗ trợ doanh nghiệp
F1	Cung cấp thông tin về các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp
F2	Chất lượng, hiệu quả triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp
F3	Dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến của Website đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp
F4	Việc hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc
VII	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự
G1	Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định
G2	Giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp thỏa đáng
G3	Cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.
G4	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm
VIII	Vai trò người đứng đầu
H1	Lãnh đạo địa phương có ảnh hưởng quyết định tới công tác cải cách thủ tục hành chính tại địa phương
H2	Lãnh đạo địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp
H3	Lãnh đạo địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết

	các vấn đề của doanh nghiệp
H4	Lãnh đạo địa phương chỉ đạo quyết liệt và giải quyết kịp thời các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp
H5	Lãnh đạo địa phương kiên trì giám sát và cải thiện văn hóa ứng xử, chấn chỉnh/xử lý các hành vi nhũng nhiễu của công chức và hệ thống bộ máy
IX	Tiếp cận đất đai
I1	Khó khăn DN gặp phải trong các thủ tục hành chính về đất đai
I2	Đánh giá công tác phê duyệt phương án bồi thường
I3	Đánh giá công tác xác định nguồn gốc đất của chính quyền cấp huyện
I4	Đánh giá công tác tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng
I5	Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương

3. Xây dựng phiếu khảo sát, đánh giá

Phiếu khảo sát sẽ được xây dựng gồm hai loại:

- Mẫu 1: Dùng để khảo sát ý kiến DN về các sở, ban, ngành cấp tỉnh.
- Mẫu 2: Dùng để khảo sát ý kiến DN về UBND cấp huyện.

Các tiêu chí, câu hỏi, nội dung trả lời sẽ được Đơn vị tư vấn xây dựng hoàn thiện với sự góp ý của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thông qua văn bản và góp ý trực tiếp tại cuộc họp lấy ý kiến do UBND tỉnh Hà Tĩnh tổ chức. Mẫu phiếu khảo sát có thể được điều chỉnh, bổ sung tùy theo yêu cầu, mục đích khảo sát nhằm phục vụ định hướng cải thiện chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Dự kiến phiếu khảo sát sẽ gồm 03 phần chính:

Phần 1: Thông tin chung: Câu hỏi chung liên quan đến thông tin về DN.

Phần 2: Năng lực điều hành và cải thiện môi trường kinh doanh: Phần này sẽ là những câu hỏi triển khai từ các tiêu chí ở phần trên về các chỉ số thành phần DDCI Hà Tĩnh.

Phần 3: Những thông tin bổ sung: Các câu hỏi của phần này triển khai tìm hiểu những đánh giá của DN về những nội dung bổ sung và dùng để phân tích sâu hơn những vấn đề tỉnh quan tâm.

PHẦN III CHỌN MẪU, KHẢO SÁT, XỬ LÝ SỐ LIỆU, TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG, TỔNG HỢP BÁO CÁO

1. Chọn mẫu

1.1. Chọn mẫu khảo sát

Đối với việc đo lường các kết quả đánh giá bằng cách xác định đối chứng phù hợp thì phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên là điều kiện tiên quyết. Bởi vậy các doanh nghiệp được khảo sát được chọn xác suất theo phương pháp ngẫu

nhiên phân tầng (theo tỷ lệ của các nhóm đơn vị kinh doanh và theo loại hình doanh nghiệp) từ 02 nguồn:

+ Nguồn thứ nhất: Danh sách các hồ sơ giao dịch tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố (bộ phận một cửa/một cửa liên thông và các phòng chuyên môn, đơn vị cung cấp); đó là các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thực hiện giao dịch hành chính tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong một khoảng thời gian nhất định. Ưu tiên chọn các đối tượng đánh giá có thực hiện giao dịch tại nhiều cơ quan, đơn vị trong thời gian khảo sát.

+ Nguồn thứ hai: Danh sách doanh nghiệp từ Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh; danh sách doanh nghiệp từ Cổng thông tin điện tử tỉnh (có giao dịch trực tiếp và trực tuyến); danh sách doanh nghiệp từ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Các doanh nghiệp khảo sát thuộc mọi thành phần, được phân bố đồng đều theo tỷ lệ phù hợp tương ứng với lĩnh vực hoạt động, địa phương thực hiện khảo sát. Khi triển khai thực tế có thể điều chỉnh để có lượng mẫu tối ưu vừa đảm bảo tính đại diện cho quần thể, vừa phù hợp yêu cầu của cuộc khảo sát và điều kiện (nhân lực và tài chính) tại địa phương.

1.2. Số lượng mẫu

Số lượng mẫu khảo sát (số lượng và danh sách đối tượng đánh giá) được xác định dựa trên số lượng hồ sơ giao dịch với doanh nghiệp trong thời gian từ 01/10 năm trước đến 30/9 năm đánh giá của từng sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (nhằm mục đích công bố kết quả DDCI vào tháng 12 hàng năm)

Số lượng mẫu dự kiến khoảng 1.800 - 2.000 mẫu khảo sát với kỳ vọng tỷ lệ thu thập dữ liệu thực tế khoảng 45 - 50% trong khoảng thời gian khảo sát (để đạt được mức kỳ vọng này cần tập trung công tác khảo sát trực tiếp được thực hiện bởi đơn vị tư vấn).

2. Phương pháp lấy ý kiến khảo sát DDCI

Cuộc điều tra, khảo sát kết hợp sử dụng nhiều phương pháp phù hợp hiệu quả, bao gồm:

- Khảo sát trực tiếp (kênh chính thức - 60%): Đơn vị chủ trì, Đơn vị tư vấn, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trực tiếp gặp, trao đổi doanh nghiệp để lấy ý kiến đánh giá. Khảo sát trực tiếp tiến hành tại doanh nghiệp và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện của 13/13 huyện, thành phố, thị xã.

- Khảo sát qua thư (bưu điện và thư điện tử email - 20%): Bộ phiếu khảo sát sẽ được gửi với sự xác nhận của Đơn vị chủ trì, Đơn vị tư vấn, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh qua đường bưu điện/địa chỉ mail cho các doanh nghiệp được chọn làm đối tượng khảo sát. Những bộ phiếu bị gửi trả lại (đường bưu điện) sẽ được Đơn vị chủ trì liên lạc trực tiếp để xác nhận thông tin và thay đổi phương pháp khảo sát khác.

- Khảo sát trực tuyến (20%): Phiếu điện tử được đăng tải trên website của Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh để các nhà đầu tư, doanh nghiệp quan tâm có thể tham gia chương trình khảo sát qua Phiếu điện tử, thực hiện đánh giá đối với tất cả các đối tượng được khảo sát là sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

3. Hệ thống phần mềm đánh giá, chạy dữ liệu

Hệ thống này cho phép tự động tính ra điểm số của từng chỉ số thành phần và chỉ số tổng hợp DDCI dựa trên trọng số được tính toán kỹ lưỡng đối với mỗi chỉ số thành phần, tương tự phương pháp tính điểm PCI.

Hệ thống phần mềm sẽ được xây dựng trên cơ sở tham vấn các chuyên gia PCI, cán bộ sử dụng hệ thống phần mềm sẽ được tập huấn về kỹ năng vận hành và xử lý số liệu.

4. Tính điểm và xếp hạng DDCI

Chỉ số DDCI được xác định thông qua tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa theo thang điểm 100, gán trọng số và tính điểm DDCI tổng hợp gồm điểm số trọng số của các chỉ số thành phần.

Điểm của các chỉ số đánh giá các đơn vị được chuẩn hóa về cùng một thang điểm để so sánh. Cụ thể, việc chuẩn hóa được tiến hành như sau:

- Với các chỉ tiêu thuận (điểm càng cao phản ánh chất lượng điều hành càng tốt):

Điểm chuẩn hóa = $1 + (9 * ((\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị cùng nhóm đánh giá}) / (\text{Điểm lớn nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị})))$.

Ví dụ: Chỉ tiêu khả năng tiếp cận thông tin của sở, ban, ngành. Đây là chỉ tiêu thuận, giá trị của cơ quan/đơn vị A là 40%; cơ quan/đơn vị tốt nhất tại chỉ tiêu này đạt 60%; cơ quan/đơn vị thấp nhất là 17%. Theo đó, điểm quy chuẩn của cơ quan/đơn vị A ở chỉ tiêu này đạt: $1 + 9 * (40 - 17) / (60 - 17) = 5,81$ điểm. Cơ quan/đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 60%) được 10 điểm; cơ quan/đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 17%) chỉ được 1 điểm.

- Với các chỉ tiêu nghịch (điểm càng thấp phản ánh chất lượng điều hành càng tốt):

Điểm chuẩn hóa = $11 - \{9 * ((\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị cùng nhóm đánh giá}) / (\text{Điểm lớn nhất của tất cả các đơn vị} - \text{Điểm nhỏ nhất của tất cả các đơn vị}))\}$

Ví dụ: Chỉ tiêu doanh nghiệp cho biết cần có “mối quan hệ” để có thể tiếp cận được tài liệu của sở, ban, ngành. Đây là chỉ tiêu nghịch (thời gian càng ngắn, càng tốt), giá trị của cơ quan/đơn vị A là 14%; cơ quan/đơn vị tốt nhất tại chỉ tiêu này đạt 1%; cơ quan/đơn vị kém nhất là 28%. Theo đó, điểm quy chuẩn của cơ quan/đơn vị A ở chỉ tiêu này đạt: $11 - (9 * (14 - 1) / (28 - 1) + 1) = 5,67$ điểm. Cơ

quan/đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 1%) được 10 điểm; cơ quan/đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 28%) chỉ được 1 điểm.

*** Khung điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 100 điểm, thực hiện cho cả 02 bộ chỉ số cấp sở, ban, ngành và địa phương như sau:

TT	Tổng số điểm	Xếp loại Năng lực điều hành
1	Từ 80 điểm trở lên	Tốt
2	Từ 60 đến dưới 80 điểm	Khá
3	Từ 50 đến dưới 60 điểm	Trung bình
4	Dưới 50 điểm	Kém

*** Trọng số:**

Trọng số trong công thức tính bình quân gia quyền được lựa chọn bằng phương pháp chuyên gia, theo kinh nghiệm thực tiễn để đánh giá mức độ quan trọng, tầm ảnh hưởng của từng chỉ số thành phần đối với công tác cải thiện MTKD tại địa phương. Trong quá trình thực hiện, Tỉnh có thể thay đổi trọng số này cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Trọng số đánh giá các sở, ban, ngành

Tên chỉ tiêu	Trọng số
1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10%
2. Tính năng động và hiệu lực	15%
3. Chi phí thời gian	10%
4. Chi phí không chính thức	10%
5. Cạnh tranh bình đẳng	10%
6. Hỗ trợ doanh nghiệp	15%
7. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10%
8. Vai trò người đứng đầu	20%
Điểm tổng hợp DDCI các sở, ban ngành	100%

Trọng số đánh giá UBND cấp huyện

Tên chỉ tiêu	Trọng số
1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10%
2. Tính năng động và hiệu lực	15%
3. Chi phí thời gian	10%
4. Chi phí không chính thức	10%
5. Cạnh tranh bình đẳng	10%
6. Hỗ trợ doanh nghiệp	10%
7. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10%
8. Vai trò người đứng đầu	15%
9. Tiếp cận đất đai	10%
Điểm tổng hợp DDCI của UBND cấp huyện	100%

5. Tổng hợp dữ liệu cuối cùng và viết báo cáo phân tích

Tổng hợp điểm số của các sở, ngành, địa phương theo thứ tự điểm số DDCI từ cao đến thấp. Bên cạnh việc tổng hợp điểm từ phiếu khảo sát, cơ quan chủ trì viết báo cáo đánh giá còn phân tích các thông tin từ những câu hỏi tham khảo không tính điểm trong bộ phiếu điều tra và từ các cuộc phỏng vấn, làm việc trực tiếp với các doanh nghiệp; các báo cáo tình hình kinh tế xã hội của tỉnh, báo cáo cải cách hành chính của tỉnh là cơ sở phân tích, so sánh đưa ra nhận định kết quả cuối cùng đảm bảo tính khách quan, sát thực nhất. Các bảng tổng hợp kết quả của từng chỉ số thành phần và tiêu chí đánh giá cũng được trình bày cụ thể để làm tư liệu cho các sở, ngành, địa phương trong tỉnh tham khảo và có hướng cải thiện tình hình. Trên cơ sở dữ liệu tổng hợp, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp Đơn vị tư vấn xây dựng Báo cáo cuối cùng kết quả khảo sát; đồng thời chủ trì công bố kết quả Báo cáo chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương tỉnh Hà Tĩnh, từ kết quả công bố để tham vấn những giải pháp cần tiếp tục triển khai để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong năm tiếp theo.

PHẦN IV LỘ TRÌNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

a) Đối với năm 2021 (khoảng thời gian lấy số liệu khảo sát từ ngày 01/10/2020 đến 30/9/2021)

- Ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (viết tắt tiếng anh là DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Tháng 12/2020;

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện: Tháng 01/2021;
- Xây dựng Dự toán kinh phí trình, phê duyệt: Tháng 01/2021;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn, ký kết hợp đồng: Tháng 01/2021;
- Tổ chức truyền thông, tập huấn về DDCI: Tháng 01-09/2021;
- Xây dựng hệ thống phần mềm đánh giá, chạy dữ liệu: Tháng 02-08/2021;
- Lựa chọn đối tượng khảo sát: Tháng 02-04/2021;
- Xây dựng, phê duyệt mẫu phiếu khảo sát: Tháng 02-04/2021;
- Tổ chức khảo sát, đánh giá: Tháng 8-10/2021;
- Nhập số liệu, phân tích, viết báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt: Tháng 11/2021;
- Công bố kết quả: Tháng 12/2021.

b) Đối với lộ trình thực hiện đánh giá DDCI Hà Tĩnh từ năm 2022 và các năm tiếp theo: Trên cơ sở kết quả thực hiện tổ chức đánh giá DDCI Hà Tĩnh năm 2021, đơn vị chủ trì báo cáo, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, tham

muru UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện phù hợp với thực tiễn.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Đơn vị chủ trì thực hiện

Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh là đơn vị chủ trì triển khai khảo sát DDCI Hà Tĩnh và có nhiệm vụ sau:

- Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh xem xét, ban hành để triển khai thực hiện.

- Xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định đề trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tổ chức lựa chọn, ký kết Hợp đồng với đơn vị tư vấn để xây dựng phương án đánh giá, bộ chỉ số và tiêu chí đánh giá; mẫu phiếu khảo sát, phương án khảo sát, phương án tính điểm, hệ thống phần mềm đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, phổ biến cách thức triển khai, đánh giá Bộ chỉ số DDCI cho các sở, ban, ngành, địa phương theo đúng quy định.

- Phối hợp với đơn vị tư vấn và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án cụ thể để đưa các nội dung khảo sát vào bộ chỉ số và tiêu chí đánh giá cho phù hợp theo từng giai đoạn và tình hình thực tế của tỉnh; cập nhật và đăng tải bộ câu hỏi về DDCI, cẩm nang DDCI trên trang chuyên mục của các cơ quan trong tỉnh và triển khai các nội dung truyền thông khác liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thông qua kết quả, báo cáo tham mưu UBND tỉnh công bố kết quả khảo sát DDCI hàng năm. Thông qua kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về những tồn tại, hạn chế của các cơ quan, địa phương và đề xuất những giải pháp khắc phục để UBND tỉnh chỉ đạo.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền và hướng dẫn cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể... trong quá trình tham gia đánh giá phiếu khảo sát nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp khi đánh giá điền phiếu khảo sát.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tiếp tục hoàn thiện chỉ số DDCI Hà Tĩnh.

2.2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, kiểm tra, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án năm 2020 và những năm tiếp theo (đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- Sở Tài chính: Thẩm định trình UBND tỉnh kinh phí, đảm bảo tiến độ triển khai Kế hoạch khảo sát đánh giá DDCI hàng năm.

- Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh: Phối hợp đơn vị chủ trì cung cấp danh sách đối tượng khảo sát (DN, HTX, HKD) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh thực hiện tuyên truyền về PCI, DDCI và các nội dung liên quan; xây dựng kế hoạch truyền thông về PCI, DDCI và hướng dẫn, đôn đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh duy trì tuyên truyền và phát huy hiệu quả các chuyên mục trước và trong quá trình triển khai Bộ chỉ số DDCI nhằm thu hút sự quan tâm thực chất của cộng đồng doanh nghiệp; chủ trì lập báo cáo theo dõi tổng hợp các nguồn thông tin phản ánh từ báo chí và các cơ quan truyền thông về PCI, DDCI từ các sở, ngành địa phương và phối hợp cung cấp thường xuyên về Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh để tổng hợp.

- Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Thực hiện thường xuyên các phóng sự, bài viết, chuyên đề về DDCI nhằm tuyên truyền rộng rãi đến các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, cộng đồng doanh nghiệp về vai trò, tác động của DDCI đối với công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Hà Tĩnh; kịp thời đưa tin trong quá trình khảo sát, điều tra, lấy ý kiến đánh giá Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và cấp huyện.

- Các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã: Phối hợp Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh xây dựng, lựa chọn tiêu chí đánh giá đảm bảo phù hợp với từng phòng ban, đơn vị trực thuộc và các phường, xã; Chủ động xây dựng Kế hoạch hành động cụ thể của từng cơ quan, đơn vị mình nhằm triển khai có hiệu quả Bộ chỉ số DDCI tỉnh Hà Tĩnh; Cung cấp danh sách các doanh nghiệp có giao dịch hành chính tại cơ quan, đơn vị đầy đủ, chính xác. Hỗ trợ các điều tra viên trong quá trình tiến hành khảo sát tại đơn vị.

2.3. Các Hiệp hội, Hội, câu lạc bộ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh trong việc khảo sát, lấy ý kiến DN trên địa bàn tỉnh; đóng góp ý kiến để hoàn thiện bộ chỉ số.

2.4. Đơn vị tư vấn

a) Việc lựa chọn đơn vị tư vấn: Do tính cấp bách về thời gian thực hiện và để kịp triển khai trong năm 2020 nên cho phép áp dụng chỉ định thầu (theo quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu 2013 đối với gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm).

b) Trách nhiệm của đơn vị tư vấn

- Thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức khảo sát, xây dựng phương án cụ thể để đưa các nội dung khảo sát vào bộ chỉ số và tiêu chí đánh giá; mẫu phiếu khảo sát, phương án khảo sát, phương án tính điểm, hệ thống phần mềm đánh giá từ các nguồn dữ liệu cho phù hợp theo từng giai đoạn và tình hình thực tế của tỉnh.

- Chuyển giao toàn bộ dữ liệu có liên quan theo hợp đồng cho Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh.

- Tổ chức công tác khảo sát, tổng hợp, phân tích, đánh giá các cơ quan, đơn vị liên quan tại địa phương.

- Tổng hợp dữ liệu và thực hiện chấm điểm độc lập; chuyển bảng điểm chấm độc lập trên về Trung tâm Hỗ trợ PTDN và XTĐT tỉnh để tổng hợp kết quả. Tham mưu thực hiện công bố kết quả khảo sát DDCI Hà Tĩnh; khuyến nghị những tồn tại, hạn chế của các cơ quan, địa phương và đề xuất những giải pháp khắc phục./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH